

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025; Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình và mẫu biểu báo cáo; Công văn số 2499/LĐTBXH-VPQGGN của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 02/8/2021 về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 24/8/2021 của UBND huyện Như Xuân về việc Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2021 của Chủ tịch UBND xã Bình Lương về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021-2025;

UBND xã ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018) để đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021 theo Kế hoạch số 04/KH-UBND

ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh.

1.2. Tổ chức rà soát nhằm xác định, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ là cơ sở để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2022 và các năm tiếp theo.

2. Yêu cầu

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022-2025 thực hiện đúng phương pháp, quy trình, được quy định tại Quyết định số 24 và Thông tư số 07 đảm bảo công khai, dân chủ; đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc và sự tham gia của người dân.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi

Trên địa bàn toàn xã

2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân tham gia công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã.

III. NỘI DUNG

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐTTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018). Các bước thực hiện theo Kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 10/11/2020 của UBND tỉnh.

(Rà soát theo chuẩn nghèo 2016 - 2020 để đánh giá kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo năm 2021 theo Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 11/01/2021 của UBND tỉnh và yêu cầu của Công văn số 2499/BLĐTBXHVPQGGN ngày 02/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2021 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2022 - 2025

2.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2.1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo (Chuẩn KV nông thôn)

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo (Chuẩn KV nông thôn)

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình (Chuẩn KV nông thôn)

Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

2.2. Quy trình, tiến độ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình

2.2.1. Quy trình rà soát định kỳ (theo quy định tại điều 4 Quyết định số 24)

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát (Mẫu số 03). **Xong trước ngày 10/9/2021.**

Ban Chỉ đạo xã chỉ đạo Tổ rà soát các thôn rà soát lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do UBND xã đang quản lý tại thời điểm rà soát;

- Đối với hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát (Mẫu số 01) và những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo do rà soát viên, trưởng thôn phát hiện lập danh sách đưa vào Mẫu số 02 (Phiếu A) để nhận

dạng nhanh hộ gia đình không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trường hợp có dưới 4 tiêu chí thì đưa vào danh sách hộ cần rà soát.

Lưu ý: Ban Chỉ đạo rà soát xã và Tổ rà soát các thôn chủ động phát hiện những hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm, có nguy cơ nghèo, cận nghèo để hướng dẫn hộ gia đình làm giấy đề nghị đưa vào danh sách các hộ rà soát nhanh theo phiếu A.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình (Mẫu số 4.1 và Mẫu số 4.2). ***Xong trước ngày 20/9/2021.***

Ban Chỉ đạo rà soát xã chỉ đạo Tổ rà soát các thôn thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát. ***Xong trước ngày 24/9/2021.***

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, các đoàn thể thôn, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã giám sát.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại từ bước 2 theo quy định.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Mẫu số 05), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã).

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 06) tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã; thông báo qua đài truyền thanh xã trong thời gian 03 ngày làm việc. ***Xong trước ngày 01/10/2021.***

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa thôn và trụ sở UBND xã trong thời gian 03 ngày làm việc. ***Xong trước ngày 15/10/2021.***

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (ngay sau khi rà soát).

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- UBND xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn (qua phòng Lao động TBXH huyện), theo Mẫu số 06, Mẫu số 08. **Xong trước ngày 19/10/2021.**

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBND huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản. **Xong trước ngày 26/10/2021.**

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo. Xong trước ngày 29/10/2021.

Chủ tịch UBND xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã (Mẫu số 19) và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 20).

2.2.2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm

- Thực hiện theo quy định tại điều 5 Quyết định số 24.

- Thời gian rà soát: mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng.

2.2.3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình

- Thực hiện theo quy định tại điều 6 Quyết định số 24.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày 15 hằng tháng.

2.3. Phương pháp rà soát và phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

2.3.1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24): Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Kế hoạch này để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1):

+ Ở khu vực nông thôn: 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2.3.2. Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Khu vực nông thôn: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm.

2.4. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình

Là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

2.5. Hệ thống biểu mẫu, phiếu rà soát

Hệ thống biểu: Tại phụ lục II kèm theo Kế hoạch này, gồm: Các biểu mẫu quy định tại Quyết định số 24, Thông tư số 07 đã được đánh lại số thứ tự và một số mẫu biểu có bổ sung thêm thông tin nhằm phục vụ công tác tổng hợp và thực hiện chính sách giảm nghèo có liên quan.

3. Báo cáo kết quả rà soát

3.1. Báo cáo kết quả rà soát định kỳ năm 2021

3.1.1. Báo cáo sơ bộ

- Tổ rà soát các thôn Báo cáo về BCD xã **trước ngày 20/09/2021**, theo Biểu số 6 (qua Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội).

- UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện **trước ngày 21/09/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm: Công văn báo cáo và biểu tổng hợp theo Mẫu số 06, Mẫu số 08.

3.1.2. Báo cáo chính thức (gồm kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020 và chuẩn giai đoạn 2022 - 2025)

- Tổ rà soát các thôn Báo cáo về BCD xã **trước ngày 01/11/2021**, theo Biểu số 6 (qua Công chức Lao động - Thương binh và Xã hội).

- UBND xã báo cáo Chủ tịch UBND huyện (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 06/11/2021**. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã (Mẫu số 19) kèm hệ thống biểu tổng hợp của cấp xã từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 18 theo chuẩn giai đoạn 2022 - 2025.

- Quyết định công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã kèm các biểu mẫu tổng hợp theo chuẩn giai đoạn 2016 - 2020.

- Hồ sơ lưu tại UBND xã gồm: (1) Hệ thống bảng biểu, Giấy đề nghị rà soát, Phiếu rà soát; (2) Văn bản xin ý kiến của Chủ tịch UBND xã và văn bản trả lời của Chủ tịch UBND huyện về kết quả rà soát; (3) Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND xã, biểu tổng hợp của xã; (4) Quyết định phê duyệt kết quả rà soát của Chủ tịch UBND huyện kèm các biểu mẫu tổng hợp; (5) Các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện tại xã.

3.2. Báo cáo kết quả rà soát thường xuyên

Ngày 05 hằng tháng (từ tháng 02 đến tháng 9), UBND xã tổng hợp, báo cáo UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên trên địa bàn (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) (nếu có). Chủ tịch UBND huyện tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 đã được phân bổ tại Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và phân bổ dự toán chi

ngân sách địa phương năm 2021.

Căn cứ Kế hoạch được duyệt và kinh phí đã được phân bổ, UBND xã bố trí thêm kinh phí để thực hiện tốt, đảm bảo chất lượng những nội dung công việc trên.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày.....tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch UBND xã về việc thành lập Ban Chỉ đạo.
- Thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo địa bàn được phân công phụ trách.

2. Công chức Văn hoá – Chính sách lao động việc làm

- Chủ trì, phối hợp các bộ phận có liên quan triển khai Kế hoạch rà soát; tổ chức, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện rà soát.
- Tổ chức hướng dẫn, tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình cho thành viên Ban Chỉ đạo xã và Tổ rà soát các thôn.
- Tham mưu trong việc Chỉ đạo, kiểm tra, phúc tra, giám sát quá trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các thôn.
- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND xã, UBND huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo sơ bộ và chính thức.

3. Trưởng trạm Y tế

Chủ trì tham mưu hướng dẫn cho các thành viên BCD và các Tổ rà soát về việc xác định trẻ em suy dinh dưỡng, để xác định chiều thiếu hụt về dinh dưỡng trong điều tra rà soát.

4. Công chức Tài chính - Kế hoạch

Hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 trên địa bàn xã.

5. Công chức Văn hóa - Thông tin

Tăng cường, đẩy mạnh tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa và phương pháp, quy trình, công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021; tiêu chí và mức chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều áp dụng giai đoạn 2022 - 2025 và việc xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp có mức sống trung bình.

6. Đề nghị UBMTTQ – các đoàn thể, các tổ chức, thành viên ban chỉ đạo

- Chủ trì, giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên phạm vi toàn xã.
- Chỉ đạo Ban công tác Mặt trận các thôn tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; chỉ đạo các tổ chức thành viên căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật có liên quan đến công

tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tích cực công tác thông tin, tuyên truyền và thực hiện giám sát việc rà soát ở địa phương.

7. Đối với các thôn: Thành lập các tổ điều tra của thôn gồm: Bí thư chi bộ kiêm Trưởng thôn, đại diện Trưởng BCTMT thôn, các đoàn thể (chi hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Công an viên,...) tham gia. Tùy theo số lượng hộ trong thôn và đề xuất của thôn, Chủ tịch UBND xã quyết định số lượng, thành phần tham gia lực lượng rà soát viên nhằm đảm bảo tiến độ thời gian.

8. Việc triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát trên địa bàn xã vào thời điểm tình hình dịch bệnh Covid-19 đang có diễn biến phức tạp, nguy cơ lây nhiễm cao. Để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện Kế hoạch rà soát, đặc biệt là lực lượng rà soát viên khi tiếp xúc với người dân, hộ gia đình để tiến hành rà soát phải thực hiện nghiêm các quy định, hướng dẫn trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 của ngành y tế.

Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nếu còn vướng mắc phát sinh, đề nghị các đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Ban Chỉ đạo (qua Công chức Văn hoá chính sách lao động việc làm) để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Phòng Lao động TBXH (b/c);
- Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- UB. MTTQ-các đoàn thể (Phối hợp);
- Thành viên BCĐ giảm nghèo xã (T/h);
- 6 Ông (Bà) Trưởng thôn; (T/h);
- Tổ rà soát 6 thôn (T/h);
- Lưu: VT, CS.

CHỦ TỊCH

Lê Đức Tuấn